

SỞ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG
**TRƯỜNG TRUNG HỌC PHỔ THÔNG
LIÊN CHIỀU**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 328 /TB-THPTLC

Đà Nẵng, ngày 20 tháng 8 năm 2024

THÔNG BÁO
Về việc Công khai tài chính năm học 2024-2025

Thực hiện Thông tư 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03/06/2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Trường THPT Liên Chiều thực hiện công khai tài chính theo các mục trong điều 5 của thông tư 09/2024/TT-BGDĐT theo biểu đính kèm.

Nơi nhận:

- Ban giám hiệu;
- Niêm yết bảng tin Hội đồng, website;
- Lưu: VT, VP.



HIỆU TRƯỞNG

Phạm Minh



CÔNG KHAI CHI TIẾT QUYẾT TOÁN NĂM 2023

(Đính kèm theo Thông báo số 328 /TB-THPTLC ngày 20 tháng 8 năm 2024)

Căn cứ phân bổ dự toán thu chi NSNN năm 2023 theo QĐ số 1414/QĐ-SGDDT ngày 28 tháng 12 năm 2022 của Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo Thành phố Đà Nẵng và bổ sung dự toán trong năm cho nhà trường;

Căn cứ Quyết định số 730/QĐ-SGDDT ngày 20 tháng 6 năm 2024 công bố công khai quyết toán năm 2023 của ngành GDĐT;

Căn cứ quyết định số 145/QĐ-THPTLC ngày 22 tháng 8 năm 2023 ban hành giá dịch vụ vệ sinh năm học 2023-2024;

Nay nhà trường thực hiện công khai quyết toán kinh phí chi tiết như sau :

KINH PHÍ NỘI DUNG	NGUỒN				BỒI DƯỠNG KIẾN THỨC 12
	NGÂN SÁCH	HỌC PHÍ	DỊCH VỤ VỆ SINH		
I. SỐ THU/CẤP	11.162.448.452	274.934.382	129.175.450		266.925.750
Trong đó:					
Năm trước mang sang	1.234.620.000		53.315.450		10.035.759
Nguồn cải cách tiền lương		274.934.382			
II. SỐ CHI	10.944.391.406	274.934.382	78.485.692		247.749.522
1. Chi lương và các khoản phụ cấp	5.939.312.974	160.768.583	48.770.000		225.544.522
2. Các khoản nộp BHXH, YT, TN	1.094.368.020	44.165.799			
3. Tiền thưởng giáo viên	56.348.000				
4. Phúc lợi tập thể (lễ, tết, trợ cấp tổ văn phòng, hỗ trợ 1/6, trung thu, đám hiếu, hỉ...)	533.849.000				
5. Tiền điện, nước, vệ sinh, mạng internet, điện thoại, web, báo	143.192.097				
6. Sửa chữa, duy tu tài sản, MMTB	138.468.090				22.205.000
7. Chi nghiệp vụ ngành	561.214.743				
- Chi mua sách, mua hàng hóa vật tư cho phòng bộ môn, photo công văn, đồng phục thể dục, QP	122.545.470				
- Khen thưởng học sinh	56.400.000				

- Tổ chức 2 kỳ thi lớp 10 và TN 12	142.676.000			
- Các nghiệp vụ khác	239.593.237			
8. Hỗ trợ CPHT cho HS nghèo, HSKT, SGK	146.366.000			
9. Mua sắm tài sản	91.215.000			
10. Chi khác	67.027.425			
11. KP mua sắm GDPT 2018	728.811.452			
12. Chi mua vật tư văn phòng, khoán VPP, thay mực máy in, mua ghế CC...	101.102.376		29.715.692	
13. Công tác phí theo quy định	176.896.000			
14. Các khoản chi phí khác (hội nghị, thuê mướn..)	15.260.460			
15. Thu nhập tăng thêm	851.337.288			
16. Trợ cấp Tết	161.460.000			
17. Phụ cấp dạy khuyết tật	138.162.481			
18. Nộp trả theo QĐ kiểm toán		70.000.000		
TỔN	1.236.657.925	0	50.689.758	19.176.228
Chuyển sang năm 2024	218.057.046	0	50.689.758	19.176.228
Nguồn KP tự chủ 13	215.000.000			
Nguồn KP CCTL	3.057.046			
Nguồn KP mua sắm GDPT 2018 (Huỷ)	325.808.548			
Kinh phí huỷ (nguồn 12)	6.014.000			

• **Nguồn BHYT trích chăm sóc SKBĐ HS:**

Tổng cấp: 73.853.735 đồng (Trong đó : Tồn năm trước : 36.297.469đ)

Tổng chi: 8.121.720 đồng

+ Chi mua bóng đèn lắp phòng học : 4.680.720 đ

+ Truyền thông y tế : 600.000 đ

+ Thay lõi lọc nước, xét nghiệm mẫu nước : 2.841.000 đ

Tồn quỹ chuyển sang năm 2023: 65.732.015 đồng

• **Nguồn Căn tin**

Thu : 40.080.000 đồng

Chi : 19.877.968 đồng

+ Nộp thuế (phi NN, thuế mặt đất, GTGT, TNDN) : 5.813.968 đồng

+ Trả tiền thuê đầu giá căn tin : 14.064.000 đồng

Tồn quỹ chuyển sang năm 2024 : 20.202.032 đồng



CÔNG KHAI
CHÍNH SÁCH VÀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHÍNH SÁCH HÀNG NĂM VỀ
TRỢ CẤP VÀ MIỄN GIẢM HỌC PHÍ ĐỐI VỚI NGƯỜI HỌC THUỘC
DIỆN ĐƯỢC HƯỞNG CHÍNH SÁCH XÃ HỘI NĂM HỌC 2023-2024
(Đính kèm theo Thông báo số 328 /TB-THPTLC ngày 20 tháng 8 năm 2024)

STT	Nội dung	Số người	Số tiền	Ghi chú
I	Đối tượng được hưởng chế độ miễn giảm học phí			Nghị quyết HĐND 41/NQ-HĐND ngày 14/7/2022
II	Đối tượng được hưởng chế độ hỗ trợ chi phí học tập	116	77.100.000	ĐT: Hộ nghèo, Khuyết tật, con mồ côi cả cha lẫn mẹ
III	Đối tượng được hưởng học bổng và hỗ trợ phương tiện học tập	3	41.880.000	ĐT: Học sinh khuyết tật thuộc diện hộ nghèo, hộ cận nghèo



CÔNG KHAI
HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC TỪ NGƯỜI HỌC: MỨC THU
HỌC PHÍ VÀ CÁC KHOẢN THU KHÁC NĂM HỌC 2024 – 2025
(Đính kèm theo Thông báo số 328 /TB-THPTLC ngày tháng 8 năm 2024)

STT	Nội dung	ĐVT	Mức thu	Ghi chú
I	Năm học 2024 – 2025			
1	Học phí	Đồng/học sinh/tháng	0	
2	Vệ sinh	Đồng/học sinh/năm	0	
3	Bồi dưỡng kiến thức	Đồng/học sinh/môn	80.000	Dự kiến



CÔNG KHAI
CÁC KHOẢN CHI NĂM HỌC 2023 – 2024
(Đính kèm theo Thông báo số 328 /TB-THPTLC ngày 20 tháng 8 năm 2024)

STT	Nội dung	ĐVT	Số tiền	Ghi chú
I	Các khoản chi lương, đóng góp, chi chuyên môn....	Đồng	10.190.831.246	
II	Mức thu nhập hàng tháng của giáo viên và cán bộ quản lý			
1	Mức cao nhất	Đồng/người/tháng	19.568.089	
2	Mức bình quân	Đồng/người/tháng	11.700.797	
3	Mức thấp nhất	Đồng/người/tháng	3.833.505	
III	Mức chi thường xuyên học sinh	Đồng/học sinh/năm	1.387.358	
IV	Chi đầu tư, xây dựng, sửa chữa, mua sắm trang thiết bị	Đồng	958.494.542	